MIRAE ASSET Securities

09 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường

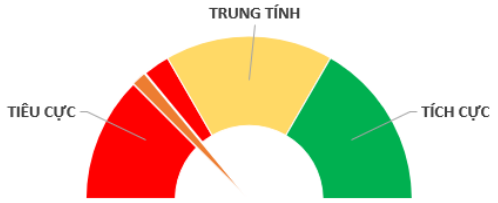

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,161.97	-0.54	4.22	39.08
HNX	264.83	0.54	17.75	149.04
UPCOM	79.54	0.15	7.76	51.68
MSCI EM	1,308.14	-2.33	-7.17	38.00
NIKKEI	29,027.94	0.99	-1.62	47.36
HANG SENG	28,773.23	0.81	-2.38	14.91
KOSPI	2,976.12	-0.67	-3.52	52.25
FTSE	6,734.31	0.23	3.10	12.88
S&P 500	3,821.35	-0.54	-2.30	39.13
NASDAQ	12,609.16	-2.41	-9.98	58.59

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%
VN-INDEX	17.90	2.43	13.71
SET INDEX	33.77	1.70	4.36
JCI INDEX	34.59	1.60	3.99
PCOMP INDEX	29.10	1.66	5.76

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.09	2	6	-54
10 năm	2.38	1	15	23

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%
US$/VND	23,060	-0.06	-0.36	0.62
US$/KRW	1,140	-0.59	-2.06	5.64
US$/JPY	109	0.17	-3.78	-5.83
US$/EUR	0.84	-0.43	1.87	-3.78
US$/GBP	0.72	-0.46	-0.50	-5.51
US$/SGD	1.35	0.36	-1.49	2.88

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	621	591	306
HNX	91	85	37
UPCOM	57	40	19

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

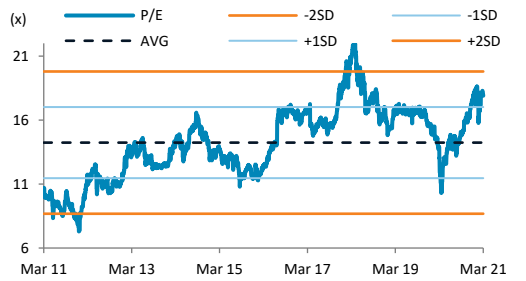

Nhận định thị trường

Nhà đầu tư nội nâng đỡ VN-Index thoát phiên giảm điểm sâu.

VN-Index tiếp tục chuỗi những ngày giao dịch đầy thử thách trước đà bán ròng liên tục của khối ngoại trong 2 tuần vừa qua.Xuyên suốt 2 tuần vừa qua, đà bán ròng của khối ngoại không có dấu hiệu suy giảm, và đặc biệt tăng mạnh trong 3 phiên gần nhất với giá trị bán ròng 1.100 – 1200 tỷ đồng/phiên. Trong hoàn cảnh đó, nhà đầu tư nội là lực đỡ, hấp thụ đà bán tránh cho VN-Index giảm sâu (Giá đóng cửa 24/02: **1.162** điểm). Kết phiên VN-Index giảm điểm và đóng cửa tại **1.161,9** điểm, giảm 6,3 điểm, tương ứng -0,5% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.133 tỷ đồng, HNX: 2.144 tỷ đồng, UPCOM: 1.470 tỷ đồng.

Phiên giao dịch ngày hôm nay ghi nhận nhóm cổ phiếu Dầu khí điều chỉnh sâu trước thông tin giá dầu giảm, trong khi đó nhóm Ngân hàng khá phân hóa với tăng giảm đan xen. Đặc biệt, nhóm Xây dựng (CTD, HBC, FCN) và Mid-cap Bất động sản (DXG, LDG, HDC, HDG) có phiên tăng điểm mạnh ngược dòng thị trường.

Khối ngoại tiếp tiếp tục bán ròng mạnh ngày thứ 3 liên tục trên 1.100 tỷ đồng, tập trung vào VNM, POW, HSG

Phiên giao dịch giảm điểm khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã quay về mức -5, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	**TIÊU CỰC**
VN30	-5	**TIÊU CỰC**
VN30F1M	-3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	**TIÊU CỰC**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (09/03/2021)	1.161,9	Kháng cự 1	**1.200**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	**1.300**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.100**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 2	**1.000**

VN-Index tiếp tục thể hiện xu hướng giằng co trong ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (09/03/2021)	1.158	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 – đóng cửa	1.163	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4,5	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-3	TRUNG TÍNH

VN30F1M tiếp tục phiên giảm điểm nhẹ theo diễn biến từ thị trường cơ sở.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

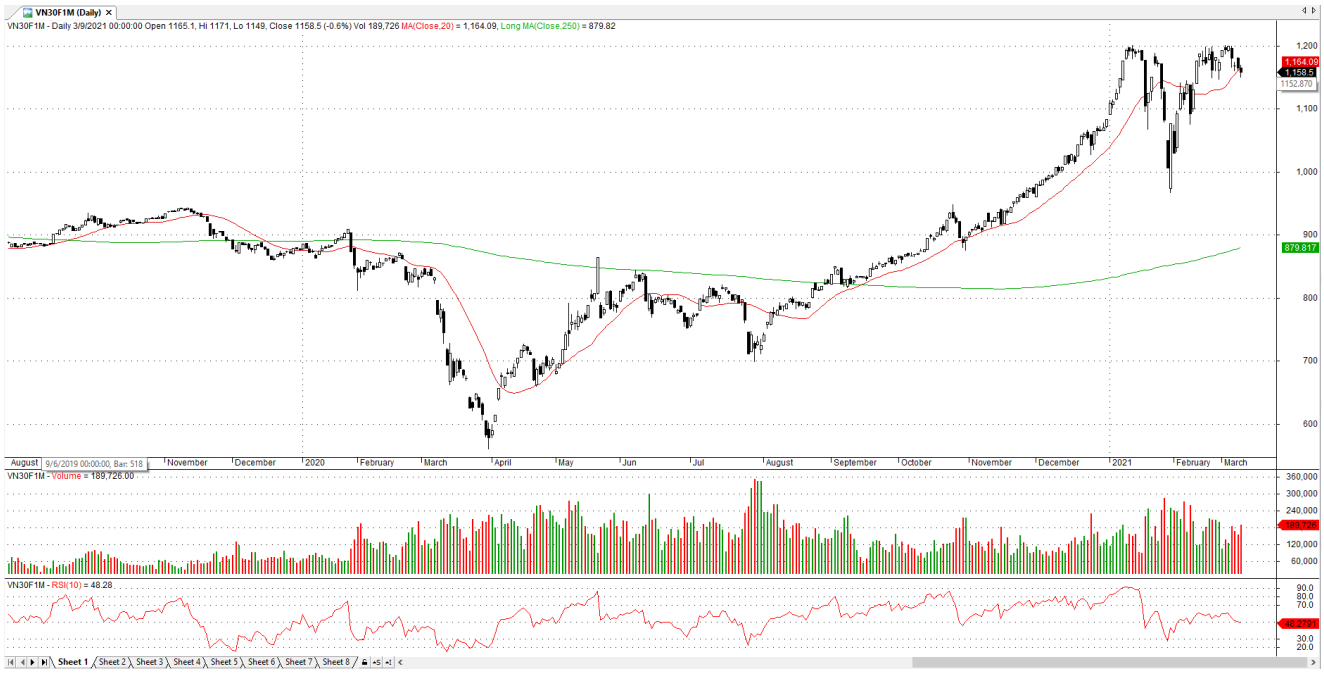

Nguồn: Fdata

MIRAE ASSET
Building on principles

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	14.7	2,531,970	6	KHẢ QUAN	3,260	10.6	0.9
ACB	32.05	10,873,615	-2	TRUNG TÍNH	69,278	9.0	2.0
ASM	16.8	3,976,345	4	KHẢ QUAN	4,349	8.7	1.0
BCG	15.35	2,186,635	4	KHẢ QUAN	3,132	10.4	1.4
BID	41.85	1,769,040	-7	TIÊU CỰC	168,321	24.1	2.2
BSR	15.6	17,220,724	4	KHẢ QUAN	48,368	17.4	1.4
BVH	58.9	723,550	-7	TIÊU CỰC	43,723	28.2	2.2
CEO	11.9	4,983,410	4	KHẢ QUAN	3,062	#N/A N/A	1.1
CII	23.4	2,518,965	6	KHẢ QUAN	5,589	19.7	1.1
CTD	78.2	838,685	7	KHẢ QUAN	5,809	13.6	0.7
CTG	37.2	10,239,150	0	TRUNG TÍNH	138,511	10.1	1.6
CTR	98.5	577,320	6	KHẢ QUAN	7,071	38.3	7.9
DBC	57.8	2,113,105	7	KHẢ QUAN	6,055	4.2	1.4
DCM	16.8	4,389,540	4	KHẢ QUAN	8,894	16.3	1.4
DGC	70.8	957,305	2	TRUNG TÍNH	10,533	12.3	2.7
DGW	113	379,180	3	TRUNG TÍNH	4,859	19.1	4.3
DIG	30.5	4,405,245	-4	TIÊU CỰC	9,606	14.6	2.0
DPM	19	2,639,095	6	KHẢ QUAN	7,435	11.4	0.9
DRC	27	2,048,750	-4	TIÊU CỰC	3,207	12.5	1.9
DXG	23.9	8,338,205	-2	TRUNG TÍNH	12,232	#N/A N/A	2.0
FCN	14.7	2,882,905	7	KHẢ QUAN	1,844	15.6	0.8
FLC	6.5	17,273,470	2	TRUNG TÍNH	4,615	169.0	0.5
FPT	75	2,727,330	-5	TIÊU CỰC	58,793	16.6	3.7
FRT	27.6	1,407,265	1	TRUNG TÍNH	2,180	88.2	1.8
GAS	93.7	1,266,960	6	KHẢ QUAN	179,337	23.2	3.7
GEX	23	5,547,600	4	KHẢ QUAN	11,085	13.8	1.6
GIL	68	751,255	-4	TIÊU CỰC	2,447	5.9	1.9
GMD	31.7	2,641,590	-5	TIÊU CỰC	9,554	28.0	1.6
GTN	25.65	1,678,070	0	TRUNG TÍNH	6,438	63.0	2.5
GVR	28.7	4,225,805	1	TRUNG TÍNH	114,800	26.8	2.4
HAH	24.55	1,736,130	2	TRUNG TÍNH	1,163	9.0	1.1
HBC	18.8	8,118,865	7	KHẢ QUAN	4,340	58.3	1.2
HCM	31.2	4,765,005	4	KHẢ QUAN	9,517	18.0	2.1
HDB	25.95	4,394,695	-2	TRUNG TÍNH	41,358	9.7	1.8
HDC	45	1,061,165	7	KHẢ QUAN	2,993	12.9	2.6
HDG	47.2	1,757,860	7	KHẢ QUAN	7,282	7.5	2.3
HNG	11.7	6,205,880	0	TRUNG TÍNH	12,970	603.6	1.5
HPG	45.85	24,146,836	0	TRUNG TÍNH	151,914	11.3	2.6
HPX	35.4	969,805	-4	TIÊU CỰC	9,363	34.1	2.9
HQC	2.96	12,562,985	7	KHẢ QUAN	1,358	141.5	0.3
HSG	28.3	10,245,335	2	TRUNG TÍNH	12,574	8.4	1.8
HUT	6.2	5,780,870	7	KHẢ QUAN	1,666	#N/A N/A	0.6
HVN	30	1,221,120	2	TRUNG TÍNH	42,761	#N/A N/A	6.7
IDC	37.7	5,155,065	-6	TIÊU CỰC	11,310	37.5	3.1
IJC	29.8	7,041,950	-4	TIÊU CỰC	6,470	11.6	2.0
ITA	6.66	9,604,890	4	KHẢ QUAN	6,249	35.9	0.6
KBC	39.1	5,724,335	0	TRUNG TÍNH	18,368	107.6	1.9
KDC	50.7	1,104,660	6	KHẢ QUAN	11,598	50.9	2.0
KDH	30.7	1,525,020	-7	TIÊU CỰC	17,211	15.1	2.1
KSB	33.5	1,949,610	-1	TRUNG TÍNH	2,232	7.9	1.4
LCG	16.45	5,378,025	2	TRUNG TÍNH	1,896	6.1	1.1
LDG	7.72	5,811,845	7	KHẢ QUAN	1,849	154.4	0.6

LPB	15.7	12,685,175	0	TRUNG TÍNH	16,872	9.1	1.2
MBB	27.3	19,302,704	-2	TRUNG TÍNH	76,406	9.2	1.6
MBS	23.7	1,887,065	2	TRUNG TÍNH	3,894	14.5	1.9
MSN	86.7	1,410,735	-7	TIÊU CỰC	101,845	82.3	6.4
MWG	128.1	1,237,520	-5	TIÊU CỰC	59,711	14.8	3.7
NKG	21.7	5,829,465	5	KHẢ QUAN	3,698	12.7	1.2
NLG	34.85	1,862,765	-3	TRUNG TÍNH	9,593	11.7	1.6
NVB	15.1	5,779,320	-2	TRUNG TÍNH	6,143	5,068.3	1.4
NVL	82	2,277,685	5	KHẢ QUAN	87,244	20.7	3.2
OIL	14.5	2,461,700	4	KHẢ QUAN	14,996	65.0	1.6
PDR	63.7	3,675,695	-4	TIÊU CỰC	25,236	21.5	4.9
PET	21.5	2,161,490	7	KHẢ QUAN	1,797	13.4	1.1
PHR	61.5	962,635	0	TRUNG TÍNH	8,333	7.7	2.6
PLX	56.6	2,446,765	-3	TRUNG TÍNH	68,985	89.7	3.3
PNJ	83.5	557,470	-4	TIÊU CỰC	18,985	17.7	3.6
POW	13.6	14,016,885	6	KHẢ QUAN	31,849	14.5	1.1
PVD	25.05	12,756,875	2	TRUNG TÍNH	10,318	86.2	0.7
PVS	24	14,515,840	2	TRUNG TÍNH	11,471	17.7	0.9
PVT	18	5,794,390	2	TRUNG TÍNH	5,826	9.2	1.2
REE	55	1,041,120	-7	TIÊU CỰC	16,998	10.5	1.5
ROS	3.56	18,827,914	1	TRUNG TÍNH	2,021	1,186.7	0.3
S99	28.1	1,901,065	-2	TRUNG TÍNH	1,473	9.1	1.9
SBT	22.6	4,029,240	0	TRUNG TÍNH	13,948	23.9	1.8
SCR	9.02	3,756,255	5	KHẢ QUAN	3,305	18.6	0.7
SHB	15.7	22,025,910	-1	TRUNG TÍNH	27,483	9.5	1.1
SHS	26.9	7,160,710	2	TRUNG TÍNH	5,576	7.4	1.7
SSI	33.05	13,771,095	-5	TIÊU CỰC	19,797	15.8	2.0
STB	18.45	21,253,704	-2	TRUNG TÍNH	33,458	12.5	1.2
SZC	41.4	1,138,260	0	TRUNG TÍNH	4,140	22.3	3.3
TCB	38.9	14,989,450	-4	TIÊU CỰC	136,516	11.1	1.8
TCH	22.35	5,314,730	0	TRUNG TÍNH	7,896	8.7	1.6
TDC	23.65	1,629,385	7	KHẢ QUAN	2,365	14.2	1.9
TNG	24.4	2,914,335	2	TRUNG TÍNH	1,806	11.6	1.6
TPB	28.4	3,489,195	0	TRUNG TÍNH	29,299	8.1	1.7
VCB	95	1,424,950	-5	TIÊU CỰC	352,343	19.1	3.6
VCI	53.7	954,590	-4	TIÊU CỰC	8,893	11.5	2.0
VGT	19.9	2,329,725	4	KHẢ QUAN	9,950	35.4	1.6
VHC	42	1,171,230	4	KHẢ QUAN	7,642	10.8	1.5
VHM	98.2	2,913,240	-6	TIÊU CỰC	323,030	11.6	3.7
VIB	43	897,660	2	TRUNG TÍNH	47,704	10.3	2.7
VIC	104.3	1,371,720	-7	TIÊU CỰC	352,788	66.5	4.5
VIX	37.55	5,272,355	2	TRUNG TÍNH	4,796	14.6	2.7
VJC	134.9	669,220	-2	TRUNG TÍNH	70,666	1,021.3	4.7
VND	28.25	4,312,350	0	TRUNG TÍNH	5,930	8.5	1.5
VNM	100.7	2,865,465	-7	TIÊU CỰC	210,041	21.1	6.7
VPB	41.8	6,291,540	2	TRUNG TÍNH	102,608	9.8	1.9
VPI	37	1,139,440	5	KHẢ QUAN	7,400	24.1	2.7
VRE	34.1	5,256,115	2	TRUNG TÍNH	77,486	32.5	2.6

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Dầu bất ngờ quay đầu giảm sau khi vượt 71 USD/thùng

Hợp đồng dầu Brent đã dao động ở mức cao 71.38 USD/thùng, mức cao nhất kể từ tháng 01/2020, trong khi hợp đồng dầu WTI tăng lên 67.98 USD/thùng, mức cao chưa từng thấy kể từ tháng 10/2018. Tuy nhiên, dầu cuối cùng đã rút khỏi các mức này và khép phiên với đà giảm.Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu Brent lùi 1.12 USD (tương đương 1.61%) xuống 68.24 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 1.04 USD (tương đương 1.57%) còn 65.05 USD/thùng.

Vàng thế giới giảm hơn 1% xuống thấp nhất trong 9 tháng

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng vàng giao ngay lùi 1.1% xuống 1,681.41 USD/oz, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 05/6/2020 ở mức 1,676.10 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai mất 1.2% còn 1,678 USD/oz.Đồng USD đã tăng lên đỉnh 3 tháng, trong khi lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm dao động gần mức cao nhất trong hơn 1 năm, làm gia tăng chi phí cơ hội của việc nắm giữ kim loại không mang lại lợi suất.Việc Thượng viện Mỹ đã thông qua kế hoạch viện trợ kinh tế của Tổng thống Mỹ Joe Biden trị giá 1.9 ngàn tỷ USD đã không thể hỗ trợ kim loại quý.

Dự thảo quy hoạch điện VIII: Thách thức dành 12-13 tỷ USD đầu tư cho ngành điện mỗi năm

Bộ Công Thương đang lấy ý kiến về dự thảo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2045 (quy hoạch điện VIII). Trong đó, dự thảo dự báo với mức tăng trưởng kinh tế khoảng 7% hàng năm trong giai đoạn 2021-2030. Theo đó, nhu cầu năng lượng, điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng duy trì ở mức cao, khoảng 10% trong thập kỷ tới. Bên cạnh đó, điện thương phẩm dự báo đạt 491 tỷ kWh vào 2030 và sẽ đạt 5,7% vào 2031-2045. Hệ số đàn hồi điện thương phẩm trên GDP đạt 1,13 lần vào 2030 và sẽ giảm xuống 0,58 lần vào 2045, thấp hơn rất nhiều so với mức 1,2 vào 2020.Về cơ cấu, than sẽ chiếm tỷ lệ 35% vào 2025 và lên mức 45,5% vào 2035. Tỷ lệ thủy điện có mức giảm đáng kể, trong khi đó các loại xăng dầu chiếm tỷ trọng hơn 20% của tổng năng lương sơ cấp. Bên cạnh đó, tỷ trọng năng lượng tái tạo mới đạt mức 27,9%, 25,6% và giảm xuống 23,5% lần lượt vào các năm 2025, 2030 và 2035.Để đảm bảo công suất phát điện đạt khoảng 138.000 MW vào 2030, mỗi năm ngành điện cần khoảng 12-13 tỷ USD vốn để đầu tư mới cho cả nguồn và lưới điện.

VJC: thông qua việc bán toàn bộ gần 17,8 triệu cổ phiếu quỹ

Hàng không Vietjet (HoSE: VJC) thông báo quyết định HĐQT thông qua việc bán toàn bộ gần 17,8 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương 3,28% vốn điều lệ. Doanh nghiệp bán cổ phiếu quỹ để tăng vốn lưu động, phục vụ chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh, chuẩn bị nguồn lực cho giai đoạn hồi phục 2021. Thời gian thực hiện trong quý I hoặc II.Vietjet mua cổ phiếu quỹ vào tháng 8/2019 với giá mua bình quân 132.063 đồng/cp, tương ứng số tiền bỏ ra 2.347 tỷ đồng. Vào thời điểm đó, Vietjet đăng ký mua 25 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ nhưng chỉ mua được 17,77 triệu đơn vị do thanh khoản thị trường không đủ đáp ứng.

TDM: lên kế hoạch lãi 265 tỷ năm 2021, tăng 53%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Tổng công ty Nước Thủ Dầu Một (TDM Water, HoSE: TDM) dự kiến trình kế hoạch sản xuất 70 triệu m3 nước, tiêu thụ 69 triệu m3 nước; lần lượt tăng 12,5% và 12% so với năm trước. Doanh thu nước tăng 17,5% đạt 453 tỷ đồng, lãi sau thuế tăng 53% đạt 265 tỷ đồng. Cổ tức duy trì tỷ lệ 12% bằng tiền mặt.

THG: sắp chi gần 22 tỷ đồng tạm ứng cổ tức năm 2020

CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (HOSE: THG) chốt ngày 18/03 là ngày giao dịch không hưởng quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020. Theo đó, THG sẽ tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%. Với hơn 14.5 triệu cp đang lưu hành, ước tính Công ty có trụ sở đặt tại Tiền Giang này sẽ cần chi gần 22 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức.Sau lần tạm ứng này, THG sẽ hoàn thành kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 40% vốn điều lệ được cổ đông thông qua trong ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

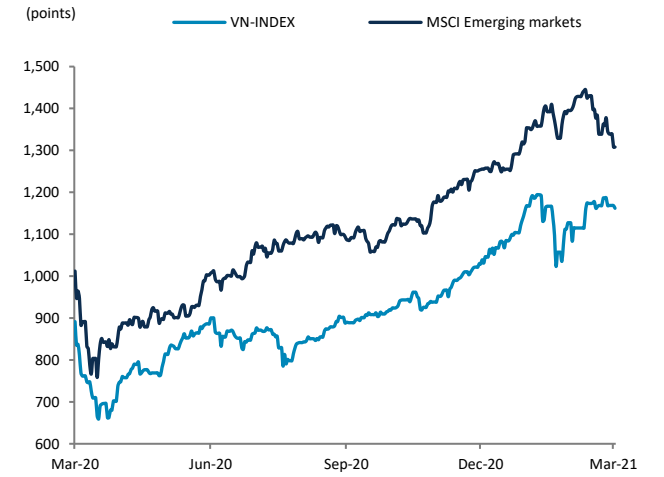

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

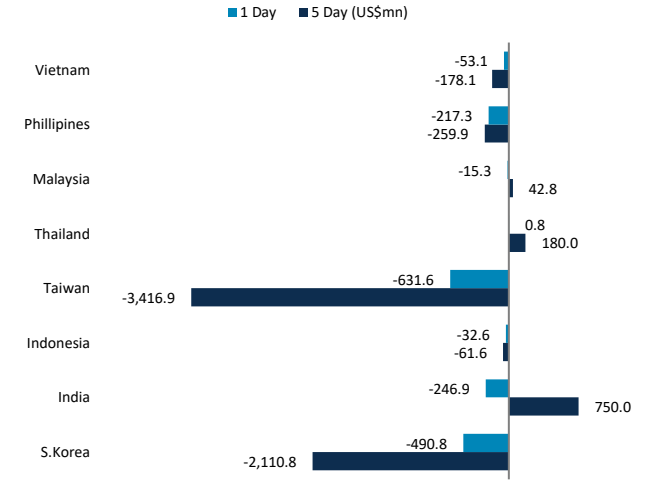

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

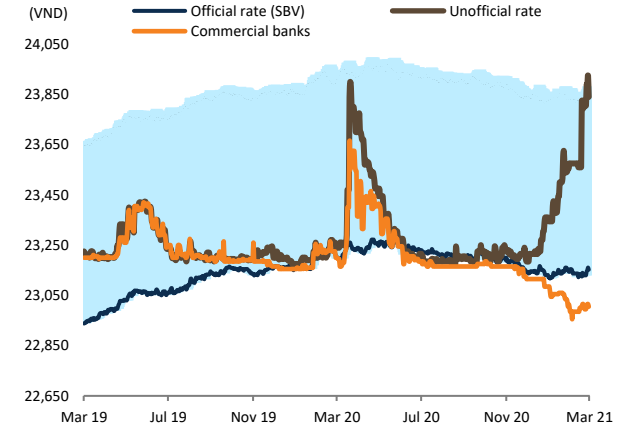

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

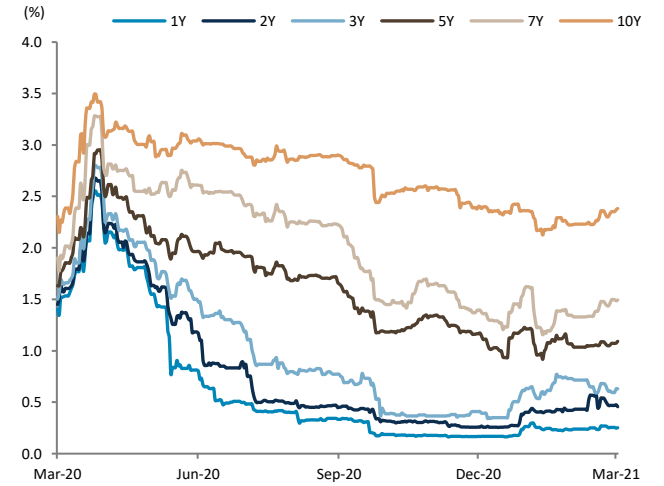

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

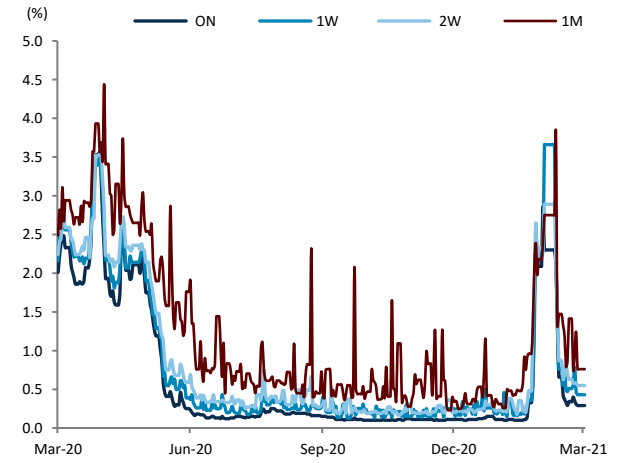

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE (%)*	
		(VND)	(tỷ đồng)	(%)	1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,163.00**	**3,038,660**		**-0.6**	**-2.7**	**3.0**	**48.6**	**15.0**	**12.9**	**2.6**	**2.3**	**16.5**	**17.6**	**19.2**
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,850	168,321	17.3	-1.4	-5.0	2.6	-4.0	17.3	11.4	1.9	1.7	52.2	13.2	16.9
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	58,900	43,723	27.9	-0.3	-4.7	-1.7	14.8	26.9	21.5	2.1	1.9	25.0	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	37,200	138,511	28.1	-1.8	-2.1	5.1	55.0	8.3	7.8	1.4	1.3	7.6	18.1	17.1
CTCP FPT	FPT VN	75,000	58,793	49.0	-1.1	-3.7	0.5	71.5	14.9	12.8	3.3	2.9	15.9	25.1	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	93,700	179,337	2.9	-1.4	3.0	15.3	30.0	18.0	17.1	3.6	3.5	5.6	19.8	20.5
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	25,950	41,358	17.1	0.0	-2.8	7.7	64.4	8.0	6.7	NA	NA	19.7	19.5	18.7
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,850	151,914	30.7	-1.0	-1.8	9.7	163.9	9.1	8.2	2.0	1.7	11.5	25.9	23.3
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	30,800	17,211	36.0	-1.0	-6.1	-3.4	40.6	14.1	10.7	2.0	1.7	31.8	15.5	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,300	76,406	23.2	-1.1	-2.8	10.3	64.6	7.6	6.4	1.4	1.1	19.6	19.6	19.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	86,700	101,845	32.5	-0.8	-4.6	-2.3	66.7	38.0	22.4	4.7	3.9	69.8	14.6	20.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	128,100	59,711	49.0	-2.1	-5.7	-1.1	33.6	12.0	9.3	2.9	2.5	28.8	28.4	28.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	82,000	87,244	6.8	0.7	3.4	3.8	56.5	21.7	20.2	2.6	2.2	7.7	10.4	9.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	63,700	25,236	1.3	2.2	-1.2	1.4	200.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	56,600	68,985	15.9	-3.1	-3.4	6.8	22.4	21.3	17.3	3.0	2.9	23.3	15.9	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,500	18,985	49.0	-0.1	-0.6	-0.1	11.2	15.2	12.1	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,600	31,849	7.6	-3.9	5.0	10.1	44.7	15.3	11.6	NA	NA	32.4	7.2	8.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,000	16,998	49.0	-1.8	-3.3	-3.5	83.9	9.5	7.9	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,600	13,948	7.9	1.3	-1.3	3.2	16.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,050	19,797	43.3	-1.5	-5.7	4.1	146.5	13.8	13.8	NA	NA	0.5	13.5	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,550	33,458	9.3	-0.3	-3.1	2.2	62.7	12.8	7.7	1.1	1.0	66.0	9.1	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	38,950	136,516	22.5	0.3	-3.3	8.2	89.5	9.4	8.2	1.5	1.3	14.5	17.9	17.3
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,350	7,896	5.5	1.4	-0.7	4.9	-23.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,400	29,299	30.0	-0.4	-4.5	5.8	69.3	8.0	5.6	1.5	1.2	41.7	22.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,000	352,343	23.7	-0.2	-4.3	-2.3	20.9	17.1	13.7	3.0	2.6	25.0	20.2	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	98,200	323,030	22.4	1.0	-4.5	1.4	30.4	10.5	8.8	2.8	2.2	20.0	30.3	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	104,300	352,788	14.1	-1.6	-3.6	-1.8	6.8	45.8	31.8	3.7	3.3	43.9	8.7	11.3
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	134,900	70,666	19.3	-0.8	-2.0	4.6	18.9	117.6	23.1	4.3	3.4	409.2	7.6	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	100,500	210,041	57.2	-1.7	-4.2	-6.9	24.3	19.3	17.7	6.2	5.5	8.7	36.9	36.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	41,800	102,608	23.4	1.1	2.6	8.6	63.3	8.7	7.3	1.6	1.3	18.9	20.0	19.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,100	77,486	31.0	-1.0	-1.7	8.1	28.4	26.1	19.7	2.4	2.1	32.7	9.8	12.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	**-6.30**	**4,365,574**	**-0.5**	**-2.1**	**4.2**	**39.1**	**17.9**	**14.5**	**2.4**	**2.4**	**23.6**	**13.7**	**18.2**
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,171	-0.8	0.9	5.8	42.9	5.9	5.5	1.0	1.0	24.5	11.1	10.8
Ngân hàng	-0.90	1,281,722	-0.2	-0.9	4.8	35.1	12.3	9.8	1.9	1.6	18.8	17.8	18.3
Xây dựng cơ bản	0.20	174,499	0.5	1.1	8.1	77.6	5.5	4.6	0.4	0.3	NA	5.6	5.6
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,660	-0.5	-1.0	0.7	22.3	6.8	5.4	NA	NA	-29.9	11.3	13.2
May mặc và trang sức	0.05	37,688	0.5	2.2	7.4	103.7	11.4	9.2	2.3	1.8	-6.7	18.7	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.06	10,269	-1.3	-2.6	17.3	68.6	14.4	5.0	NA	NA	NA	3.7	9.7
Dịch vụ tài chính	-0.18	66,985	-0.9	1.4	9.4	110.9	8.2	4.1	NA	NA	50.7	8.1	3.8
Năng lượng	-0.79	88,549	-3.2	-1.0	8.4	36.9	21.7	16.8	2.5	2.4	-63.0	13.5	14.8
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.42	534,006	-1.0	-1.7	-2.3	37.9	19.7	15.1	4.3	3.8	-14.3	22.8	23.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	947	-1.6	1.5	12.4	39.6	NA	NA	NA	NA	-39.6	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.03	12,402	0.9	0.8	26.6	4.1	7.4	6.5	NA	NA	51.4	24.4	24.5
Bảo hiểm	0.00	50,485	0.0	-1.2	-0.7	14.4	23.9	19.2	1.8	1.7	28.8	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	-1.15	377,651	-1.1	0.6	14.6	99.4	13.7	13.7	1.0	0.8	60.5	15.9	14.5
Giải trí và truyền thông	0.01	1,276	3.0	2.0	3.0	-47.2	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	-0.05	34,538	-0.5	0.1	2.7	20.8	NA	NA	NA	NA	11.8	NA	NA
Bất động sản	-0.22	1,060,389	-0.1	-1.1	1.7	34.3	8.6	7.6	1.7	1.6	-22.6	9.7	9.9
Bán lẻ	-0.32	67,944	-1.8	-3.0	-0.7	37.1	22.8	16.8	2.6	2.2	-2.4	14.7	15.2
Phần mềm và dịch vụ	-0.16	62,788	-0.9	-1.0	0.9	69.0	11.1	8.7	2.6	2.2	10.2	25.5	25.9
Thiết bị và phần cứng	0.01	4,859	0.5	8.7	33.1	344.0	13.9	12.0	3.1	2.7	48.6	23.5	24.2
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,154	0.0	0.6	17.3	251.4	13.0	10.5	3.3	2.7	14.2	26.9	26.6
Vận tải	-0.32	175,707	-0.7	-0.2	7.3	33.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.98	269,654	-1.3	3.4	12.6	28.9	50.4	11.1	2.1	1.7	-28.9	-9.1	3.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	98,200	1.03	2,196,300	0.88
OCB VN	22,950	6.99	15,494,500	0.44
VPB VN	41,800	1.09	5,754,000	0.29
NVL VN	82,000	0.74	2,539,700	0.17
DXG VN	23,600	5.12	10,582,000	0.16
PDR VN	63,700	2.25	4,088,200	0.15
ACB VN	32,050	0.79	8,819,900	0.14
HT1 VN	18,500	6.94	5,542,800	0.12
HDG VN	47,200	6.55	4,276,000	0.12
VPI VN	37,000	5.71	2,142,900	0.11

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	104,300	-1.60	1,587,600	-1.54
VNM VN	100,500	-1.66	4,141,900	-0.95
GVR VN	28,700	-2.38	2,056,200	-0.75
CTG VN	37,200	-1.85	10,113,900	-0.70
GAS VN	93,700	-1.37	696,100	-0.66
BID VN	41,850	-1.41	2,430,700	-0.64
PLX VN	56,600	-3.08	4,097,200	-0.59
HPG VN	45,850	-0.97	16,289,800	-0.40
POW VN	13,600	-3.89	28,684,500	-0.34
SAB VN	173,000	-1.14	167,500	-0.34

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.